

Bản án số: 281/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/10/2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Tâm.

2. Bà Lê Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Phước - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 168/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H** - Sinh năm: 1990; địa chỉ: 1/2 ấp T, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Minh Đ** - Sinh năm: 1987; địa chỉ: 124/85 ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 23/7/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H (gọi tắt là bà H) trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà H và ông Lê Minh Đ do quen biết nên tự nguyện kết hôn vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau đó, bà H và ông Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện P vào ngày 29/7/2010. Sau khi cưới ông bà chung sống hạnh phúc chưa được khoảng 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông, bà không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn và ông, bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay mà không đoàn tụ được. Do nhận thấy tình cảm đã không còn, đời sống chung không còn hòa hợp, cuộc sống hôn nhân đã không còn hạnh phúc nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đ, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- *Về con chung:* Có 01 (một) người con chung tên Lê Minh Đ - Sinh ngày: 11/10/2012 (hiện đang sống chung với bà H). Khi ly hôn bà H yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung nêu trên, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nợ.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 23 tháng 7 năm 2018, bị đơn là ông Lê Minh Đ (gọi tắt là ông Đ) trình bày ý kiến như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Đ đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị H, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- *Về con chung:* Có 01 (một) người con chung tên Lê Minh Đ - Sinh ngày: 11/10/2012 (hiện đang sống chung với bà H). Khi ly hôn, ông Đ đồng ý để bà H được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung nêu trên, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* ông Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nợ.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, từ Điều 83 đến điều 97, điều 195, 196, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H, bà H được ly

hôn với ông Lê Minh Đ. Ghi nhận việc bà H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Minh Đ - Sinh ngày: 11/10/2012. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: bà H xác định không có, bà H không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên phát sinh mâu thuẫn và phía nguyên đơn có đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông Lê Minh Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 23 tháng 7 năm 2018 nên Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt ông Lê Minh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Minh Đ tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện P vào ngày 29/7/2010 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn bà H, ông Đ sống hạnh phúc khoảng 06 năm. Đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà H là do bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cãi nhau và ông, bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay mà không hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Về phía ông Đ, tại đơn xin giải quyết vắng mặt, ông cũng đồng ý ly hôn với bà H. Tại biên bản xác minh của Tòa án đề ngày tháng năm có cơ sở xác định hôn nhân của ông bà có mâu thuẫn và ông bà đã sống ly thân với nhau thời gian dài. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H với ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị H và ông Lê Minh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[4] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông Đ thống nhất với nhau sau khi ly hôn thì bà H được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung giữa bà và ông Đ là Lê Minh Đ - Sinh ngày: 11/10/2012 (hiện đang sống chung với bà H). Bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Minh Đ cùng xác định không có tài sản chung, không có nợ chung. Không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản, nợ có liên quan đến vụ án này nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 147, khoản 1 điều 227, điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Minh Đ. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị H, ông Lê Minh Đ không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:

- Bà Nguyễn Thị H được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung giữa bà và ông Lê Minh Đ là Lê Minh Đ - Sinh ngày: 11/10/2012 (hiện đang sống chung với bà H). Ghi nhận bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Lê Minh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Ông Lê Minh Đ có quyền thăm nom con; không ai được cản trở ông Đ thực hiện quyền này. Trong trường hợp ông Đ lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của ông Đ.

- Vì lợi ích của con chung, bà Nguyễn Thị H, ông Lê Minh Đ hoặc các nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, bà Nguyễn Thị H và ông Lê Minh Đ có quyền thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Minh Đ cùng xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản, nợ có liên quan đến vụ án này nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân

sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017452 ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bà Nguyễn Thị H (01 bản);
- Ông Lê Minh Đ (01 bản);
- UBND nơi ĐKKH;
- VKSND huyện C (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV- T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Minh Đạt